

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 98/2024/HS-ST

Ngày: 22/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiêm,
Bà Nguyễn Thị Thuởng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Bá C, sinh năm 1996, tại Hà Nam; nơi thường trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Số H Bà T, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá L và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/5/2020, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm đến sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/10/2023 đến ngày 13/10/2023, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà H T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Lê Thị Lan H2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà G N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà G N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Trịnh Nguyên K, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số nhà H T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà I Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà D, ngõ T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi nên từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2023, Lê Bá C cho nhiều người trên địa bàn thành phố T vay lãi cao dưới hình thức “vay thăm”. Khi cho vay giữa Lê Bá C và các khách vay không viết giấy mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. C sử dụng số tài khoản 1111888799999 ngân hàng MB để nhận lãi và sử dụng số sim điện thoại 0928161345 để liên lạc cho vay. Tổng số tiền Lê Bá C giao dịch với 06 khách vay là 264.000.000 đồng; số tiền thực tế bị cáo sử dụng để cho vay là 54.500.000 đồng. Tính đến ngày 03/10/2023 số tiền lãi bị cáo đã thu là 51.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự là 7.528.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 43.471.233 đồng. Các lần cho vay cụ thể như sau:

1.Lê Bá C cho chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1993, trú tại: số nhà H T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay thăm 04 lần:

Gói thứ nhất: Khoảng tháng 9/2022, C cho chị H1 vay thăm số tiền 10.000.000 đồng đóng thăm trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày chị H1 phải trả cho C 200.000 đồng, trong đó có 160.000 đồng tiền gốc và 40.000 đồng tiền lãi (tiền lãi thu theo quy định là 5.480 đồng và 34.520 đồng tiền thu lời bất chính). Khi vay C cắt trước 2.000.000 đồng tiền lãi, đưa cho chị H1 số tiền 8.000.000 đồng, số tiền thực tế Lê Bá C sử dụng cho vay ở gói này là 8.000.000 đồng.

Gói thứ hai: Khi đã đóng được 20 ngày thăm của gói thứ nhất là 4.000.000 đồng, trong đó có 3.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 109.600 đồng và 690.400 đồng tiền thu lời bất chính), chị H1 còn nợ lại gói thăm này 6.000.000 đồng thì chị H1 đảo lên gói thăm 15.000.000 đồng. Vì còn nợ lại gói thứ nhất 6.000.000 đồng nên Lê Bá C cắt 3.000.000 đồng tiền lãi và trừ 6.000.000 đồng tiền nợ gói 01 nên chỉ đưa chị H1 6.000.000 đồng.

Mỗi ngày C thu của chị H1 300.000 đồng, trong đó có 240.000 đồng tiền gốc và 60.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 8.219 đồng và 51.781 đồng thu lời bất chính). Do đã thu được 3.200.000 đồng tiền gốc của gói 01 nên Lê Bá C đã sử dụng thêm 2.800.000 đồng số tiền thực tế để cho chị H1 vay. Gói thứ hai, chị H1 còn nợ lại 6.000.000 đồng.

Gói thứ ba: Sau khi đóng gói thăm số 02 được 30 ngày với số tiền 9.000.000 đồng, trong đó có 7.200.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 246.570 đồng và 1.553.430 đồng thu lợi bất chính), chị H1 tiếp tục đảo lên gói 15.000.000 đồng, đóng thăm trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày C thu của chị H1 300.000 đồng. Lê Bá C cắt 3.000.000 đồng tiền lãi và trừ 6.000.000 đồng tiền nợ gói 02 nên chỉ đưa chị H1 6.000.000 đồng. Do đã thu được 7.200.000 đồng tiền gốc của gói 02 nên Lê Bá C đã sử dụng luôn 6.000.000 đồng số tiền gốc đã thu để cho chị H1 vay gói thăm thứ 03, chị H1 còn nợ lại 4.500.000 đồng của gói số 3. Gói này C không bỏ tiền gốc ra cho vay.

Gói thứ tư: Sau khi đóng gói thăm số 03 được 35 ngày với số tiền 10.500.000 đồng trong đó có 8.400.000 đồng tiền gốc và 2.100.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 287.665 đồng và 1.812.335 đồng thu lời bất chính), chị H1 đảo lên gói thăm 20.000.000 đồng, đóng thăm trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày C thu của chị H1 400.000 đồng. Lê Bá C cắt 4.000.000 đồng lãi và trừ 4.500.000 đồng tiền nợ gói 03 nên chỉ đưa chị H1 11.500.000 đồng. Do đã thu được 8.400.000 đồng tiền gốc của gói 3 và tiền gốc gói 2 còn dư 1.200.000 đồng nên Lê Bá C đã sử dụng luôn 9.600.000 đồng số tiền gốc đã thu và sử dụng thêm 1.900.000 đồng tiền thực tế để cho chị H1 vay gói thăm thứ 04.

Như vậy, với 04 gói thăm, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, số tiền thực tế C sử dụng để cho chị H1 vay là 12.700.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 12.000.000 đồng trong đó số tiền thu lời bất chính là 10.356.164 đồng. Bốn gói thăm mà C cho chị H1 vay có lãi suất là 4.000 đồng/1triệu/1ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị H1 đã trả đủ tiền thăm cho C.

Khi thu tiền của chị H1 có lần C nhờ Phạm Văn V, sinh năm 2001, trú tại phường Q, thành phố T đến gặp chị H1 nhận tiền nhưng V không biết đây là tiền vay lãi cao, chỉ biết là chị Hoàn trả nợ C.

2. Khoảng tháng 5 năm 2022, Lê Bá C cho chị Lê Thị Lan H2, sinh năm 1979, nhà ở đường N, phường N, thành phố T vay tổng cộng 10 gói vay thăm, mỗi gói 15.000.000 đồng và đóng thăm trong 50 ngày cùng với mức lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Mỗi ngày Lê Bá C thu của chị H2 300.000 đồng trong đó có

240.000 đồng tiền gốc và 60.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 8.219 đồng và 51.781 đồng thu lời bất chính).

Gói thứ nhất: Lê Bá C cho chị H2 vay số tiền 15.000.000 đồng. C cắt lãi trước 3.000.000 đồng (trong đó có 410.959 đồng lãi thu theo quy định và 2.589.041 đồng thu lời bất chính), nên chỉ đưa cho chị H2 số tiền 12.000.000 đồng, chị H2 còn nợ lại gói thăm này 6.000.000 đồng. Tiền thực tế Lê Bá C sử dụng cho vay ở gói này là 12.000.000 đồng.

Gói thứ hai: Sau khi đóng gói thăm số 01 được 30 ngày với số tiền 9.000.000 đồng, trong đó có 7.200.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi (lãi thu theo quy định là 246.570 đồng và 1.553.430 đồng thu lời bất chính) chị H2 đảo tiếp gói 15.000.000 đồng thì Lê Bá C cắt 3.000.000 đồng tiền lãi và trừ 6.000.000 đồng tiền nợ gói 01 nên chỉ đưa chị H2 6.000.000 đồng. Do đã thu được 7.200.000 đồng tiền gốc của gói 1 nên Lê Bá C đã sử dụng luôn số tiền gốc đã thu này và sử dụng thêm 4.800.000 đồng số tiền thực tế để cho chị H2 vay gói thăm thứ 02.

Chị H2 vay của Lê Bá C 10 gói thăm đều trả trong 50 ngày, tương tự gói thăm thứ 02 thì 08 gói thăm sau này chị H2 cứ đóng được 30 ngày với số tiền 9.000.000 đồng trong đó có 7.200.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi thì đảo gói vay 15.000.000 đồng, nên các gói thăm sau mỗi gói Lê Bá C đều sử dụng số tiền gốc đã thu được để xoay vòng cho chị H2 vay, mỗi gói đưa cho chị H2 6.000.000 đồng từ tiền gốc của gói trước thu được.

Như vậy, chị H2 vay tổng 10 gói thăm là 150.000.000 đồng, gói vay cuối cùng thì chị H2 còn nợ lại Lê Bá C 12 ngày đóng thăm với số tiền 3.600.000 đồng trong đó có 2.880.000 đồng tiền gốc 720.000 đồng tiền lãi (98.628 đồng tiền lãi theo quy định và 621.372 đồng thu lời bất chính).

Số tiền thực tế C sử dụng để cho chị H2 vay là 16.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 30.000.000 đồng trong đó thu lời bất chính là 25.890.411 đồng.

3. Khoảng tháng 11 năm 2022, Lê Bá C cho anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1983, nhà ở đường N, phường Đ, thành phố T vay 03 gói vay thăm, mỗi gói 6.000.000 đồng, trả trong vòng 60 ngày, mỗi ngày đóng thăm 100.000 đồng gồm 83.333 đồng tiền gốc và 16.667 đồng tiền lãi (trong đó lãi thu theo quy định 3.288 đồng và 13.379 đồng thu lời bất chính).

Gói thứ nhất: Số tiền anh N1 thực nhận và cũng là số tiền thực tế mà C sử dụng để cho vay là 5.000.000 đồng. Gói vay này Lê Bá C đã thu của anh N1 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Gói thứ hai: Ngay sau khi đóng thăm hết gói vay thứ nhất thì anh N1 vay gói vay thứ 02. Do đã được anh N1 trả đủ 5.000.000 đồng tiền gốc của gói vay thứ nhất nên Lê Bá C lại dùng chính số tiền gốc này để cho anh N1 vay gói vay thứ hai.

Tương tự cách cho vay như gói thứ nhất, gói vay thăm lần 02 này Lê Bá C đã thu của anh N1 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Gói thứ ba: Sau khi đóng thăm hết gói vay số 02, anh N1 vay gói vay thứ 03 với số tiền gốc, tiền lãi tương tự và cũng trả trong 60 ngày. Do đã được anh N1 trả đủ 5.000.000 đồng tiền gốc của gói vay thứ 02 nên Lê Bá C lại dùng chính số tiền gốc này để cho anh N1 vay gói thứ 03.

Tương tự như các gói trước, gói vay thăm lần 3 này Lê Bá C đã thu của anh N1 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Như vậy, tổng số tiền 03 gói thăm trên là 18.000.000 đồng. Số tiền thực tế C sử dụng để cho anh N1 vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó 591.781 đồng lãi theo quy định và 2.408.219 đồng thu lời bất chính. Các gói vay có mức lãi suất là 2.778 đồng/triệu/ngày tương đương 101,39%/năm, gấp 5,07 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh N1 đã đóng thăm đầy đủ cho C.

4. Khoảng tháng 6 năm 2022, Lê Bá C cho anh Trịnh Nguyên K, sinh năm 2002, nhà ở H T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 03 gói thăm, mỗi gói vay 6.000.000 đồng, trả trong vòng 60 ngày, mỗi ngày anh K phải đóng thăm cho Lê Bá C số tiền 100.000 đồng gồm 83.333 đồng tiền gốc và 16.667 đồng tiền lãi (trong đó thu theo quy định 3.288 đồng và 13.379 đồng thu lời bất chính).

Gói thứ nhất: anh K vay gói thăm 6.000.000 đồng, khi đưa tiền vay C cắt lãi 1.000.000 đồng trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính, thực tế anh K nhận 5.000.000 đồng.

Gói thứ hai: Ngay sau khi đóng thăm hết gói vay thứ nhất anh K vay gói vay thứ 02. Do đã được anh K trả đủ 5.000.000 đồng tiền gốc của gói vay thứ nhất nên Lê Bá C lại dùng chính số tiền gốc này để cho anh K vay.

Tương tự cách cho vay như gói thứ nhất, gói vay thăm lần 02 này Lê Bá C đã thu của anh K 1.000.000 đồng tiền lãi trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Gói thứ ba: Sau khi đóng thăm hết với vay thứ 02, anh K vay gói vay thứ 03. Do đã được anh K trả đủ 5.000.000 đồng tiền gốc của gói vay thứ 02 nên Lê Bá C lại dùng chính số tiền gốc này để cho anh K vay gói thứ 03.

Gói vay thăm lần 03 này Lê Bá C đã thu của anh K 1.000.000 đồng tiền lãi trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Như vậy, tổng số tiền 03 gói thăm trên là 18.000.000 đồng, số tiền thực tế C sử dụng để cho anh K vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó 591.781 đồng lãi theo quy định và 2.408.219 đồng thu lời bất chính. Các gói thăm C cho anh K vay có lãi suất là 2.778 đồng/triệu/ngày tương ứng 101,39%/năm, gấp 5,07 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh K đã đóng thăm đầy đủ cho C.

5. Vào ngày 6/7/2023, Lê Bá C cho chị Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1976 trú tại số nhà I Đ, phường L, thành phố T vay 1 bất thăm đóng trong vòng 60 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, C cắt luôn 1.000.000 đồng tiền lãi, chị H3 thực nhận số tiền 5.000.000 đồng. Mỗi ngày chị H3 đóng cho Lê Bá C số tiền 100.000 đồng, gồm 83.333 đồng tiền gốc và 16.667 đồng tiền lãi trong đó thu theo quy định 3.288 đồng và 13.379 đồng thu lời bất chính.

Chị H3 còn nợ lại Lê Bá C 25 ngày thăm với số tiền là 2.500.000 đồng trong đó gồm 2.250.000 đồng tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi, trong đó 82.200 đồng thu theo quy định và 167.800 đồng thu lời bất chính. Số tiền thực tế C sử dụng để cho chị H3 vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng trong đó 197.260 đồng lãi theo quy định và 802.740 đồng tiền thu lời bất chính.

Gói thăm C cho chị H3 vay có lãi suất là 2.778 đồng/triệu/ngày tương ứng 101,39%/năm, gấp 5,07 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự.

6. Vào ngày 10/07/2023, Lê Bá C cho chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1979 trú tại 04 ngõ T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay 01 gói thăm đóng trong vòng 60 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng và chỉ đưa cho chị M số tiền 10.000.000 đồng. Mỗi ngày chị M đóng thăm cho Lê Bá C số tiền 200.000 đồng trong đó có 33.334 đồng tiền lãi và 166.666 đồng tiền gốc.

Chị M còn nợ lại 6.000.000 đồng trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 197.260 đồng tiền lãi thu theo quy định và 802.740 đồng tiền lãi thu lời bất chính. Số tiền thực tế C sử dụng để cho chị M vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó 394.521 đồng tiền lãi thu trong quy định, 1.605.479 đồng tiền thu lời bất chính.

Lãi suất C cho chị M vay là 2.778đồng/triệu/ngày tương ứng 101,39%/năm, gấp 5,07 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Việc thu giữ đồ vật; xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan công an thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei 352434/05/61496419 gắn sim số 0928161345 là điện thoại C sử dụng

để liên lạc với khách vay tiền, hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về trách nhiệm dân sự: C chưa trả lại số tiền lãi vượt quá quy định đã thu cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Chị Lê Thị Lan H2, Nguyễn Thị Thúy H3, Nguyễn Thị Hồng M chưa trả lại số tiền gốc còn nợ lại cho C.

Với nội dung nêu trên, bản cáo trạng số 61/CT-VKSTP ngày 22/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Bá Cường về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Bá C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei 352434/05/61496419 gắn sim số 0928161345 là điện thoại C sử dụng để liên lạc với khách vay tiền.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo, khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà bị cáo đã thu của người vay. Truy thu của người vay số tiền gốc mà người vay chưa thanh toán cho bị cáo để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến ngày 03/10/2023, bị cáo đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn thành phố T vay tiền với lãi suất từ 2.778 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 4.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất từ 101,39% đến 146%/năm, gấp 5,07 lần đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền bị cáo cho 06 khách hàng vay là 264.000.000 đồng; số tiền thực tế bị cáo sử dụng để cho vay là 54.500.000 đồng. Tính đến ngày 03/10/2023, số tiền lãi bị cáo đã thu 51.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự đã thu là 7.528.767 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 43.471.233 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Bá C có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự là vi phạm nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú, Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung, mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Công an thành phố T xử phạt

vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm đến sức khỏe người khác nên không quyết định hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo mà căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục để bị cáo rèn luyện bản thân sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo C là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên căn cứ khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng trong thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo phạm tội do động cơ, mục đích tư lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự để sung quỹ nhà nước.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1]. Đối với số tiền gốc 54.500.000 đồng bị cáo cho người khác vay thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị H1 đã trả cho bị cáo 12.700.000 đồng, anh Nguyễn Trọng N1 đã trả cho bị cáo 5.000.000 đồng, anh Trịnh Nguyên K đã trả cho bị cáo 5.000.000 đồng; tổng số tiền gốc chị H1, anh N1, anh K đã trả cho bị cáo là: 22.700.000 đồng, số tiền gốc này là phương tiện phạm tội nên cần phải truy thu của bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Lan H2 còn nợ lại bị cáo 2.880.000 đồng tiền gốc, chị Nguyễn Thị Thúy H3 còn nợ bị cáo 2.250.000 đồng tiền gốc, chị Nguyễn Thị Hồng M còn nợ lại bị cáo 5.000.000 đồng tiền gốc, vì vậy cần truy thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

[6.2] Khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là: 27.260.000 đồng, xác định đây là tiền do phạm tội mà có nên truy thu của bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[6.3] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm: Bị cáo chưa trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự để buộc bị cáo trả lại khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay, bao gồm: chị Trịnh Thị H1: 10.356.164 đồng; chị Lê Thị Lan H2: 25.890.411 đồng; anh Nguyễn Trọng N1: 2.408.219 đồng; anh Trịnh Nguyên K: 2.408.219 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy H3: 802.740 đồng; chị Nguyễn Hồng M: 1.605.479 đồng.

[6.4]. Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, Model: 1280, imel: 352434/05/614964/9, điện thoại gắn kèm thẻ sim, cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng chiếc điện thoại gắn kèm thẻ sim này để thực hiện hành vi phạm tội vì vậy căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[7]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá C phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Bá C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 27 ngày (do bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/10/2023 đến ngày 13/10/2023 là 09 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo C. Buộc bị cáo C trong thời gian cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng, thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Giao bị cáo C cho UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo C phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo: 45.000.000 đồng.

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Truy thu của bị cáo: số tiền gốc là 22.700.000 đồng, khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm (tiền do phạm tội mà có) là: 27.260.000 đồng, tổng là: 49.960.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị H1: 10.356.164 đồng; chị Lê Thị Lan H2: 25.890.411 đồng; anh Nguyễn Trọng N1: 2.408.219 đồng; anh Trịnh Nguyên K: 2.408.219 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy H3: 802.740 đồng; chị Nguyễn Hồng M: 1.605.479 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Truy thu của: chị Lê Thị Lan H2: 2.880.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy H3: 2.250.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng M 5.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng máy bàn phím, màu đen, Model: 1280, imel: 352434/05/614964/9, điện thoại gắn kèm thẻ sim.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 101/2024/THA ngày 18/01/2024 giữa Công an tỉnh T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

- Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND P. Hàm Rồng, TP Thanh Hóa;
tỉnh Thanh Hóa;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thu Phương